TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30 tháng 10 năm 2018
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đặng Văn Nga
2. Bà Nguyễn Ngọc Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 105/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số 47/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/10/2018 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Thân Thị T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ 4, khu phố 3, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Số 13A, đường Đ, Khu phố 2, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước (Có mặt).

**** Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ 4, khu phố 3, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thân Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Văn K tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết tại UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được UBND thị trấn V cấp giấy chứng nhận kết hôn số 135, quyển số 06, ngày 22/5/1995. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K thường xuyên uống rượu về đánh đập xúc phạm danh dự, nhân phẩm của tôi, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Có lần anh K đánh tôi bị dập sống mũi, gãy xương phải nhập viện điều trị sắp xương lại. Tôi đã hai lần nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh K tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu nhưng do còn thương chồng con nên tôi rút đơn về để đoàn tụ gia đình (Quyết định đình chỉ số 126/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23/10/2017 và số 67/2015/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2015). Tôi bỏ qua mọi chuyện và nhiều lần khuyên anh K từ bỏ rượu để lo cho các con nhưng anh K không thay đổi, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn, không thể hàn gắn được. Nay tôi xác

định tình cảm vợ chồng giữa tôi và anh K không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

- Về con chung: Tôi và anh K có 03 con chung gồm: Nguyễn Văn T, sinh ngày 03/7/1996; Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 10/10/2001 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 08/3/2016. Sau khi ly hôn, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu D và cháu T cho tôi chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi. Còn cháu T đã trưởng thành đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Anh Nguyễn Văn K vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, theo biên bản lấy lời khai ngày 01/8/2018 có tại hồ sơ bị đơn anh K trình bày:*

- Tôi đề nghị Tòa án căn cứ đơn khởi kiện và yêu cầu của chị T có trong đơn khởi kiện giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tôi không ký nhận bất cứ văn bản nào do Tòa án tống đạt, tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đối với biên bản lấy lời khai ngày 01/8/2018 tôi phối hợp với Tòa án làm việc và cung cấp sự việc nhưng không ký tên và ghi rõ họ tên đối với biên bản này.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là đúng.

+ Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền.

+ Về thời hạn giải quyết vụ: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Bị đơn anh Nguyễn Văn K vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình tiến hành tố tụng.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Thân Thị T về quan hệ hôn nhân; về nuôi con chung; Còn về về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

- Nguyên đơn chị Thân Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 4, khu phố 3, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn K: Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhiều lần cho anh K theo quy định của pháp luật triệu tập anh K đến Tòa án tham gia tố tụng nhưng anh K đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

** Về nội dung:*

[1].Về quan hệ hôn nhân: Chị Thân Thị T và anh Nguyễn Văn K tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được UBND thị trấn V cấp giấy chứng nhận kết hôn số 135, quyển số 06, ngày 22/5/1995 theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị Thân Thị T vẫn kiên quyết đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn K do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Còn anh Nguyễn Văn K vắng mặt tại phiên tòa nhưng đề nghị Tòa án căn cứ đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ chị T cung cấp có tại hồ sơ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K là do anh K thường xuyên uống rượu về đánh đập xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị T, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Chị T đã hai lần nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh K tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu nhưng do còn thương chồng con nên chị rút đơn về để đoàn tụ gia đình (Quyết định đình chỉ số 126/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23/10/2017 và số 67/2015/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2015). Chị T nhiều lần khuyên anh K bỏ rượu để lo cho gia đình nhưng anh K không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, không thể hàn gắn được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay không gặp nhau hàn gắn đoàn tụ gia đình nên tình cảm không còn. Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 06/8/2018 tại địa phương nơi cư trú của chị T và anh K có ghi nhận nội dung: "Trong quá trình chung sống, chị T và anh K có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Nhiều lần địa phương đã phải tới nhà hòa giải, khuyên can hai vợ chồng. Chị T nhiều lần nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh K tại Tòa án nhưng chị T rút đơn về hàn gắn đoàn tụ gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn không thể hòa giải được. Hiện nay chị T và anh K đã sống ly thân, chị T đang sinh sống tại tỉnh Bình Phước. Xét thấy mâu thuẫn của chị T và anh K ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình được, theo quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật cho chị T được ly hôn với anh K". Như đã phân tích trên, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh K không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thân Thị T đối với anh Nguyễn Văn K.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn K: Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho anh K nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng anh K đều vắng mặt không đến Tòa án tham gia tố tụng theo văn bản triệu tập. Việc anh K không đến Tòa án tham gia tố tụng là tự tước bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh K tại phiên tòa theo quy định.

[2].Về nuôi con chung:

Tại phiên tòa, chị T yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết giao 02 con chung gồm Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 10/10/2001 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 08/3/2016 cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Còn con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 03/7/1996 đã trưởng thành đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh K vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, theo biên bản lấy lời khai ngày 01/8/2018 có tại hồ sơ anh K đề nghị Tòa án căn cứ đơn khởi kiện và yêu cầu của chị T có tại hồ sơ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hiện nay cháu D đang sống chung với chị T tại địa chỉ: Số 13A, đường Đ, Khu phố 2, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước; cháu T đang sống chung với bà nội tại thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai, hiện đang theo học tại Trường THPT T, hàng tháng chị chu cấp tiền cho cháu ăn học. Theo bản tự khai ngày 25/5/2018 của cháu T có tại hồ sơ thì sau khi ba mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu được ở với mẹ T. Cháu D hiện dưới 36 tháng tuổi nên tiếp tục giao cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T hiện làm nghề tự do mở quán bán nước nhỏ, thu nhập khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng đủ điều kiện kinh tế nuôi con. Đang sống chung nhà với mẹ ruột tên Nguyễn Thị N tại tỉnh Bình Phước theo địa chỉ nêu trên đảm bảo chỗ ở cho con. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về nuôi con chung. Giao 02 con chung cháu T và cháu D cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Riêng cháu T đã trưởng thành, đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa, chị T không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4].Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5].Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 235, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thân Thị T và anh Nguyễn Văn K.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 10/10/2001 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 08/3/2016 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 03/7/1996 đã trưởng thành đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân, đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh K không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Thân Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số: 000986 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

5. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Văn K vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND thị trấn V
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Phạm Tuân